

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/7/2019  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Lan  
2. Bà Vũ Thị Đượm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Châu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: ấp S, xã M, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Chị Thị T- Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

( Anh T, chị T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

-----

***\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2019 và trong quá giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Trên cơ sở tự nguyện, anh Nguyễn Văn T và chị Thị T chung sống và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần kết hôn đầu tiên của anh chị.

Sau khi kết hôn, anh và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp được và hay xảy ra cãi vã. Anh và chị T không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có.

Về án phí: Anh T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thị T được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng chị Thị T vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của chị Thị T đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T và chị Thị T kết hôn năm 2014. Trong cuộc sống vợ chồng, anh T, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T với chị T. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

-----

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; chị Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt chị Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị T vì cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tính không hợp, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2014 đến nay, từ khi không còn sống chung anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ chị T để làm việc và tiến hành hòa giải nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy chị T không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 06/5/2019 tại UBND xã P thể hiện anh T và chị T không còn chung sống với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn anh T và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, chị T vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

-----

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56, Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2014 do UBND xã Xuân Bảo, huyện M, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/3/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (*ba trăm ngàn*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007250 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L được chuyển thành tiền án phí. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Văn T, chị Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Phạm Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Tuấn**

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Tuấn**